

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: 248b/QĐ-CĐNKTCN ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ

Hà Nội, năm 2021

(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo. Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam đang tiến hành cải cách toàn diện, triệt để hệ thống kế toán theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Yêu cầu quản lý kinh doanh trong cơ chế thị trường đòi hỏi những thông tin đa dạng, phục vụ cho các quyết định kinh tế, điều đó đã hình thành khái niệm về hệ thống kế toán tài chính, kế toán quản trị.

Kế toán quản trị - một bộ phận cấu thành của hệ thống kế toán, được hình thành và phát triển. Thông tin do kế toán quản trị cung cấp phục vụ chủ yếu trong nội bộ doanh nghiệp, thoả mãn yêu cầu thông tin của chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý để điều hành kinh doanh

Để phục vụ công tác giảng dạy và học tập, Khoa Kinh tế và CTXH đã tổ chức biên soạn giáo trình môn “Kế toán quản trị” trên cơ sở tham khảo tài liệu trong và ngoài nước

Mặc dù rất cố gắng để hoàn thành tài liệu này với nội dung, kết cấu hợp lý và khoa học, đáp ứng nhu cầu đào tạo trong giai đoạn mới. Song do tài liệu được biên soạn lần đầu nên không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến của bạn đọc

Hà nội, ngày.....tháng.....năm.....

Tham gia biên soạn

Chủ biên: Đào Thị Phụng

Cùng các thầy cô trong Khoa kinh tế và CTXH

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
MỤC LỤC	4
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	6
1. Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị	8
1.1. Khái niệm về kế toán quản trị	8
1.2. Vai trò của kế toán quản trị	8
1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị	9
2. Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí	9
2.1. Kế toán tài chính và kế toán quản trị	9
2.2. Kế toán chi phí với kế toán quản trị	11
2.3. Kế toán quản trị với các môn khoa học khác	13
3. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý	13
3.1. Quá trình quản lý và chức năng quản lý	13
3.2. Phương pháp nghiệp vụ của kế toán quản trị	16
3.3. Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị	19
1. Khái niệm và đặc điểm của chi phí	21
1.1. Khái niệm	21
1.2. Đặc điểm	21
2. Phân loại chi phí	22
2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động	23
3. Hệ thống quản lý chi phí	33
3.1. Tập hợp và phân bổ chi phí	33
3.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	34
1.1. Số dư đảm phí	37
1.2. Tỷ lệ số dư đảm phí	38
1.3. Kết cấu chi phí	38
2. Phân tích điểm hoà vốn	39
2.1. Khái niệm	39
2.2. Phương pháp xác định điểm hoà vốn	39
2.2.1. Phương pháp số dư đảm phí	39
2.3. Đồ thị hoà vốn	41
2.4. Số dư an toàn	43
3.5. Biến phí, định phí, giá bán và khối lượng sản phẩm tiêu thụ thay đổi	47
3.6. Xác định giá bán cho các trường hợp đặc biệt	48

4. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định kinh doanh ngắn hạn	48
4.1. Khái niệm về quyết định ngắn hạn và đặc điểm	48
4.2. Thông tin thích hợp	49
4.3. Thông tin thích hợp với việc ra quyết định kinh doanh ngắn hạn.....	50
4.3.2. Quyết định nên sản xuất hay mua	52
1.1. Khái niệm và vai trò của dự toán	3
1.1.2. Vai trò của dự toán	4
1.2.3. Đặc điểm của dự toán sản xuất kinh doanh.....	4
1.2.4. Dự toán sản xuất kinh doanh tĩnh và dự toán sản xuất kinh doanh linh hoạt.....	4
1.2. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp	5
Bài 1: Công ty Việt Hưng đang dự kiến sản xuất một loại sản phẩm mới X với các số liệu kế hoạch có liên quan như sau:	23
Bài 2: Tại công ty dịch vụ sửa chữa xe hơi và kinh doanh phụ tùng Việt Hưng có 30 công nhân sửa chữa làm việc trong 40 giờ/tuần, một năm làm việc 50 tuần. Công ty dự kiến đạt được lợi nhuận 10.000 đ cho một giờ công sửa chữa và 15% lợi nhuận trên trị giá số phụ tùng đưa ra sử dụng. Trị giá mua nguyên vật liệu theo hóa đơn dự kiến đưa ra sử dụng trong năm là 1,2 tỷ đồng.	24
Bài 4: Có tài liệu về chi phí liên quan đến sản xuất và tiêu thụ 50.000 sản phẩm ở công ty Hà Mã như sau:	25
Bài 5: Công ty Khoa Lộc dự kiến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm A, giá bán dự kiến trên thị trường là 60.000 đ/sản phẩm, để sản xuất và tiêu thụ 50.000 sản phẩm/ năm, công ty cần đầu tư một lượng vốn là 2 tỷ đồng. Dự kiến chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phân bổ cho sản phẩm này một năm là 700.000.000 đồng, trong đó phần biến phí là 200.000.000 đồng. Công ty yêu cầu tỷ lệ hoàn vốn đầu tư tối thiểu của sản phẩm này là 15%.	25

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã số mô đun: MH KTDN 27

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học

- Vị trí: Môn học này được học sau các môn học: tài chính, thống kê, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán doanh nghiệp.
- Tính chất: Môn học kế toán quản trị là môn học bắt buộc chuyên môn của nghề kế toán doanh nghiệp. Là một bộ phận quan trọng của hệ thống kế toán được hình thành và phát triển thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường có cạnh tranh hiện nay. Có chức năng cung cấp và xử lý thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách cụ thể. Là tài liệu cần thiết đối với cán bộ tài chính kế toán đang thực tế làm việc tại doanh nghiệp.

Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức
 - + Trình bày được những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị trong doanh nghiệp
 - + Phân tích được các thông tin cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch và quản lý hoạt động kế toán tài chính trong nội bộ doanh nghiệp
 - + Vận dụng được các thông tin kinh tế trong việc ra quyết định kinh doanh ngoài thực tế
- Về kỹ năng:
 - + Thu thập được các thông tin trong quyết định kinh doanh ngắn hạn
 - + Tính được các chỉ tiêu về chi phí, định giá sản phẩm, quyết định giá bán sản phẩm
 - + Phân tích và lựa chọn được thông tin cần cung cấp cho đối tượng sử dụng
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có tinh thần làm việc hợp tác, có thái độ làm việc tích cực, chủ động sáng tạo, có kỷ luật và tác phong công nghiệp.
 - + Có khả năng tìm kiếm việc làm và học lên trình độ cao hơn hoặc tự tổ chức kinh doanh

Nội dung môn học :

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Những vấn đề chung về kế toán quản trị Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý	3	3		
II	Phân loại chi phí Khái niệm và đặc điểm Phân loại chi phí Hệ thống quản lý chi phí	10	5	4	1
III	Phân tích mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận và thông tin thích hợp với quyết định ngắn hạn Những khái niệm cơ bản thể hiện mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận Phân tích điểm hoà vốn Một số ứng dụng của việc phân tích mối quan hệ chi phí khối lượng và lợi nhuận vào việc lựa chọn dự án Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định kinh doanh ngắn hạn	18	9	8	1
IV	Dự toán sản xuất kinh doanh Khái quát về dự toán sản xuất kinh doanh Xây dựng định mức chi phí sản xuất kinh doanh Lập dự toán sản xuất kinh doanh	17	10	6	1
V	Xác định chi phí và định giá sản phẩm và dịch vụ Phương pháp xác định chi phí Định giá sản phẩm và dịch vụ	12	8	3	1
	Cộng	60	35	21	4

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã chương: MH KTDN 27.01

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kế toán quản trị
- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí
- Vận dụng được vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện chức năng quản lý
- Lựa chọn và sử dụng các kỹ thuật nghiệp vụ cơ bản về kế toán quản trị, đo lường kết quả của các mặt hoạt động, các đơn vị, các nhà quản trị và nhân viên trong tổ chức
- Tham gia một cách tích cực với vai trò là một thành phần của đội ngũ quản lý
- Trung thực, nghiêm túc trong nghiên cứu

Nội dung chính:

1. Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị

1.1. Khái niệm về kế toán quản trị

Có rất nhiều các loại hình tổ chức khác nhau có ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của chúng ta như: các nhà sản xuất, công ty dịch vụ, các nhà bán lẻ, các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức, cơ quan của Chính phủ. Tất cả các tổ chức này đều có 2 đặc điểm chung:

Thứ nhất, mọi tổ chức đều có các mục tiêu hoạt động. Chẳng hạn, mục tiêu của một hãng hàng không có thể là lợi nhuận và thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng. Mục tiêu của cơ quan công an là đảm bảo an ninh cho cộng đồng với chi phí hoạt động tối thiểu.

Thứ hai, các nhà quản lý của mọi tổ chức đều cần thông tin để điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức. Nói chung, tổ chức có quy mô càng lớn thì nhu cầu thông tin cho quản lý càng nhiều.

Kế toán quản trị là một bộ phận trong hệ thống thông tin của một tổ chức. Các nhà quản lý dựa vào thông tin kế toán quản trị để hoạch định và kiểm soát hoạt động của tổ chức (Hilton, 1991).

1.2. Vai trò của kế toán quản trị

Kế toán quản trị có vai trò quan trọng trong quản trị, điều hành doanh nghiệp thể hiện qua một số điểm sau:

- Kế toán quản trị là nguồn cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý ra

quyết định kinh doanh ở tất cả các khâu: lập kế hoạch, dự toán, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá...

- Kế toán quản trị sẽ tư vấn cho nhà quản lý trong quá trình xử lý, phân tích thông tin, lựa chọn phương án, ra quyết định kinh doanh phù hợp nhất.

- Kế toán quản trị giúp nhà quản lý kiểm tra, giám sát, điều hành các hoạt động kinh tế tài chính và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; giúp nhà quản lý đánh giá những vấn đề còn tồn tại phải khắc phục.

- Kế toán quản trị giúp nhà quản lý thu thập, phân tích thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch dự toán sản xuất và tiên liệu kết quả kinh doanh...

Theo Luật kế toán Việt Nam, kế toán quản trị được định nghĩa là “việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán (Luật Kế toán, khoản 3, điều 4).

Nói tóm lại, kế toán quản trị là một lĩnh vực kế toán được thiết kế để thoả mãn nhu cầu thông tin của các nhà quản lý và các cá nhân khác làm việc trong một tổ chức

1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị

Để thực hiện các công việc trong quá trình quản lý hoạt động của tổ chức, các nhà quản lý rất cần đến thông tin. Thông tin mà các nhà quản lý cần để thực hiện công việc được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau: các nhà kinh tế, các chuyên gia tài chính, các chuyên viên tiếp thị, sản xuất và các nhân viên kế toán quản trị của tổ chức.

Hệ thống thông tin kế toán quản trị trong tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các nhà quản lý để

thực hiện các hoạt động quản lý. Kế toán quản trị có bốn mục tiêu chủ yếu như sau:

- Cung cấp thông tin cho nhà quản lý để lập kế hoạch và ra quyết định.
- Trợ giúp nhà quản lý trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức.
- Thúc đẩy các nhà quản lý đạt được các mục tiêu của tổ chức.
- Đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản lý và các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong tổ chức.

2. Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí

2.1. Kế toán tài chính và kế toán quản trị

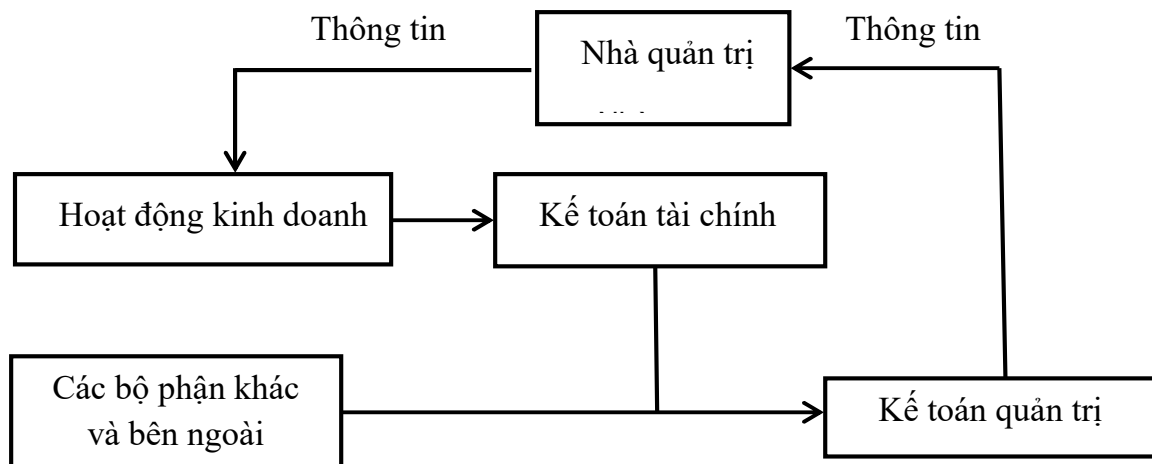
Như đã trình bày trong những phần trên, trọng tâm của kế toán quản trị là cung cấp thông tin phục vụ cho các nhà quản lý của tổ chức. Trong khi đó, mục tiêu của kế toán tài chính (financial accounting) là nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin cho các đối

tượng bên ngoài tổ chức. Báo cáo hàng năm của Công ty VINAMILK cho các cổ đông của công ty là một ví dụ điển hình về sản phẩm của hệ thống kế toán tài chính. Những người sử dụng thông tin kế toán tài chính bao gồm các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, các chủ nợ, các cơ quan nhà nước, các nhà phân tích đầu tư, khách hàng.

Tuy vậy, hệ thống kế toán quản trị và kế toán tài chính cũng có nhiều điểm giống nhau bởi vì cả hai hệ thống này đều dựa vào dữ liệu thu thập được từ hệ thống kế toán cơ bản của tổ chức. Hệ thống này bao gồm thủ tục, nhân sự, và hệ thống máy tính để thu thập và lưu trữ các dữ liệu tài chính của tổ chức. Một phần của hệ thống kế toán chung này là hệ thống kế toán chi phí (cost accounting) có nhiệm vụ thu thập thông tin chi phí được sử dụng trong cả hệ thống kế toán quản trị và kế toán tài chính. Ví dụ, số liệu về giá thành sản phẩm được nhà quản lý sử dụng để định giá bán sản phẩm, đó là một mục đích sử dụng thông tin của kế toán quản trị. Tuy vậy, số liệu giá thành cũng được sử dụng để xác định giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán, đó lại là một mục đích sử dụng thông tin của kế toán tài chính.

Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính được biểu hiện qua Sơ đồ sau

Quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính



Mặc dù, giữa hệ thống kế toán quản trị và hệ thống kế toán tài chính có nhiều điểm chung, nhưng giữa chúng có sự khác biệt rất lớn. Bảng 1.2 liệt kê những điểm khác biệt giữa hai hệ thống kế toán này.

Những điểm khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính

Chỉ tiêu	Kế toán quản trị	Kế toán tài chính
1. Đối tượng sử dụng thông tin	Nhà quản trị bên trong doanh nghiệp	Những thành phần bên ngoài doanh nghiệp.
2. Đặc điểm của thông tin cung cấp	Hướng về tương lai, linh hoạt, nhanh, thích hợp. Biểu diễn dưới hình thái giá trị và vật chất.	Phản ánh quá khứ, chính xác. Biểu diễn dưới hình thái giá trị.
3. Tính chất bắt buộc của thông tin và báo cáo	Không tuân thủ các nguyên tắc chung của kế toán.	Tuân thủ các nguyên tắc của kế toán (GAAPs).
4. Phạm vi báo cáo	Từng bộ phận, khâu công việc	Toàn doanh nghiệp
5. Kỳ báo cáo	Bất kỳ khi nào cần cho quản lý.	Định kỳ hàng tháng, quý, năm.
6. Tính pháp lệnh	Không có tính pháp lệnh.	Có tính pháp lệnh.
7. Quan hệ với các ngành khoa học	Nhiều.	Ít.

2.2. Kế toán chi phí với kế toán quản trị

Kế toán chi phí là một nhánh của kế toán, có nhiệm vụ lưu chép chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc sản xuất mỗi đơn vị sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

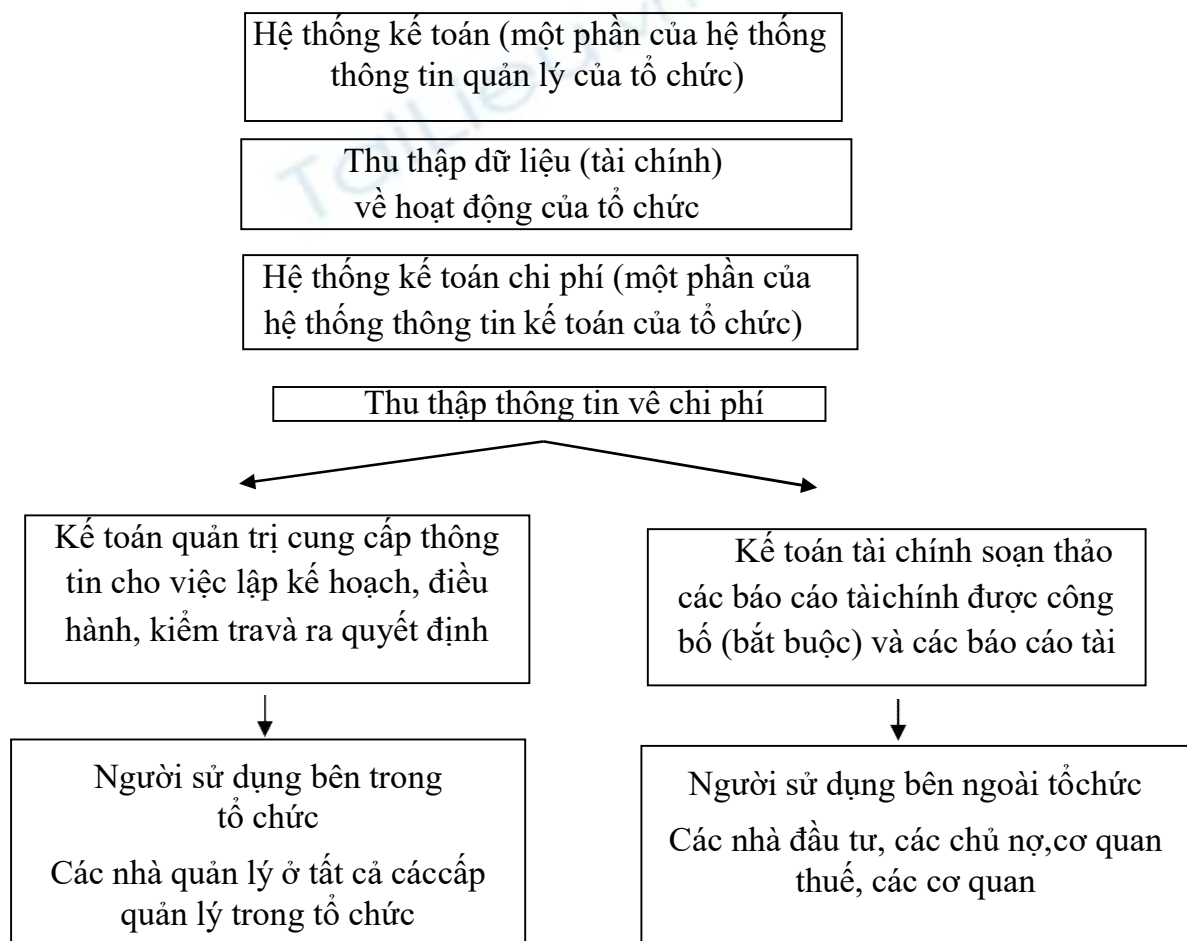
Kế toán chi phí quan tâm đến các vấn đề sau:

- Soạn thảo các bảng kê (ví dụ: các bảng dự toán, các bảng tính chi phí).
- Thu thập số liệu chi phí.
- Phân bổ chi phí cho hàng tồn kho, sản phẩm và dịch vụ. Kế toán quản trị quan tâm đến những vấn đề sau:
- Sử dụng số liệu tài chính và truyền đạt nó dưới dạng thông tin cho người sử dụng là các nhà quản trị các cấp ở bên trong tổ chức.

Kế toán chi phí là một phần của kế toán quản trị. Kế toán chi phí cung cấp một ngân hàng số liệu cho nhân viên kế toán quản trị sử dụng, gồm:

- Giá vốn sản phẩm sản xuất hay giá vốn dịch vụ cung cấp.
- Giá vốn của một bộ phận hay một phần công việc.
- Doanh thu.
- Lợi nhuận của một sản phẩm, một dịch vụ, một bộ phận hay của toàn bộ tổ chức.
- Giá bán so với giá vốn hàng bán.
- Giá trị của hàng tồn kho (nguyên liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm) còn trong kho vào lúc cuối kỳ, do đó hỗ trợ cho việc lập bảng cân đối kế toán của công ty.
- Chi phí thực tế so với dự toán.

Sơ đồ mô tả mối quan hệ giữa các hệ thống kế toán cơ bản của tổ chức với các hệ thống kế toán chi phí, kế toán quản trị, và kế toán tài chính.



2.3. Kế toán quản trị với các môn khoa học khác

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nhà quản trị phải đưa ra quyết định trong tất cả các khâu của quá trình kinh doanh từ việc mua các chi phí đầu vào: mua nguyên vật liệu, tuyển dụng nhân viên,... đến việc đưa các yếu tố sản xuất vào quá trình sản xuất kinh doanh sau đó là tổ chức quá trình tiêu thụ hàng hoá sao cho thu được lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp. Trong tất cả các khâu của quá trình kinh doanh này các nhà quản trị đều phải tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch rồi kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch đó. Do vậy, kế toán quản trị là tổng hợp của nhiều môn khoa học khác như kiến thức marketing khi nghiên cứu thị trường, lựa chọn phương án kinh doanh, lựa chọn cơ cấu hàng bán ... kiến thức thống kê khi thu thập, trình bày và phân tích dữ liệu, phân tích biến động đánh giá kết quả ...

3. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý

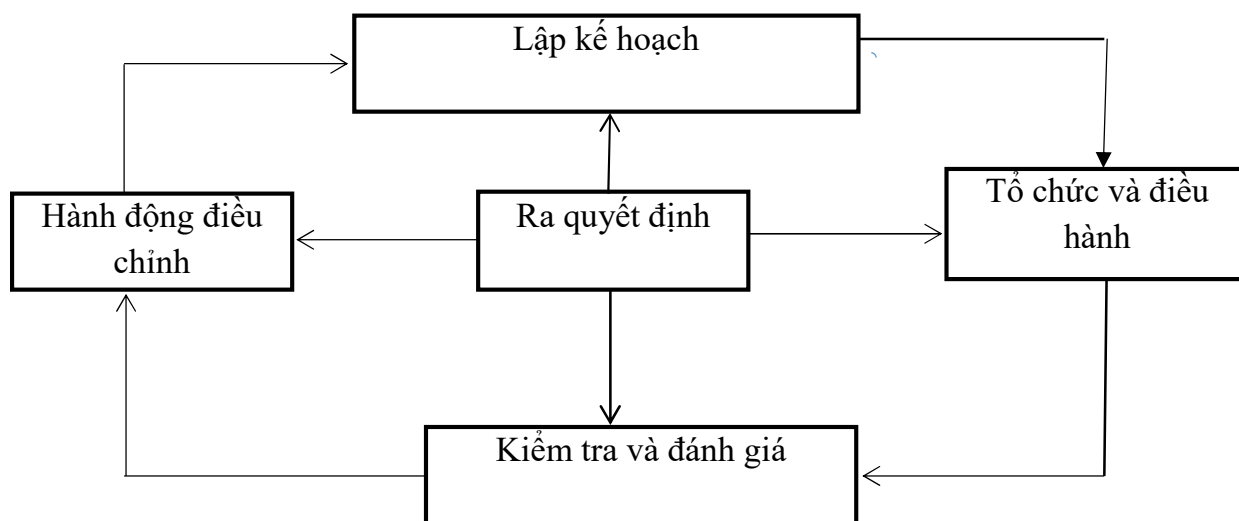
3.1. Quá trình quản lý và chức năng quản lý

Những người chủ sở hữu và các nhà quản lý của tổ chức chịu trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu hoạt động của tổ chức. Ví dụ: Mục tiêu của Công ty Máy tính IBM do Ban giám đốc (được các cổ đông của công ty bầu ra) của công ty thiết lập.

Cho dù mục tiêu hoạt động của một tổ chức là gì đi nữa thì, công việc của các nhà quản lý là phải đảm bảo các mục tiêu được thực hiện. Trong quá trình theo đuổi mục tiêu của tổ chức, các nhà quản lý thực hiện bốn hoạt động(chức năng) cơ bản:

- Lập kế hoạch.
- Tổ chức và điều hành hoạt động.
- Kiểm soát hoạt động.
- Ra quyết định.

Sơ đồ 1.3. Quá trình quản lý hoạt động của tổ chức



Lập kế hoạch

Trong việc lập kế hoạch, nhà quản lý vạch ra những bước phải làm để đưa hoạt động của doanh nghiệp hướng về các mục tiêu đã xác định. Những kế hoạch này có thể dài hạn hay ngắn hạn. Khi các kế hoạch được thi hành, chúng sẽ giúp cho việc liên kết tất cả các lực lượng của tất cả các bộ phận trong doanh nghiệp hướng về các mục tiêu đã định.

Tổ chức và điều hành hoạt động

Trong việc tổ chức, nhà quản lý sẽ quyết định cách liên kết tốt nhất giữa tổ chức, con người với các nguồn lực lại với nhau sao cho kế hoạch được thực hiện có hiệu quả nhất.

Trong việc điều hành, các nhà quản lý giám sát hoạt động hàng ngày và giữ cho cả tổ chức hoạt động trôi chảy.

Kiểm soát hoạt động

Sau khi đã lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, nhà quản lý phải kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Để thực hiện chức năng kiểm tra, các nhà quản lý sử dụng các bước công việc cần thiết để đảm bảo cho từng bộ phận và cả tổ chức đi theo đúng kế hoạch đã vạch ra.

Trong quá trình kiểm soát, nhà quản lý sẽ so sánh hoạt động thực tiễn với kế hoạch đã thiết lập. So sánh này sẽ chỉ ra ở khâu nào công việc thực hiện chưa đạt yêu cầu, và cần sự hiệu chỉnh để hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu đã thiết lập.

Ra quyết định

Ra quyết định là việc thực hiện những lựa chọn hợp lý trong số các phương án khác nhau. Ra quyết định không phải là một chức năng riêng biệt, nó là một chức năng quan trọng, xuyên suốt các khâu trong quá trình quản lý một tổ chức, từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện cho đến kiểm tra đánh giá. Chức năng ra quyết định được vận dụng liên tục trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Tất cả các quyết định đều có nền tảng từ thông tin. Do vậy, một yêu cầu đặt ra cho công tác kế toán, đặc biệt là kế toán quản trị là phải đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh, chính xác cho nhà quản lý nhằm hoàn thành tốt việc ra quyết định.

Vai trò của kế toán trong quan hệ giữa kế toán quản trị với chức năng quản lý bao gồm:

- Chuyển hoá các mục tiêu của doanh nghiệp thành các chỉ tiêu kinh tế.
- Lập dự toán chung và các dự toán chi tiết.
- Thu thập, cung cấp thông tin về kết quả thực hiện các mục tiêu.

- Lập báo cáo kết quả quản trị.

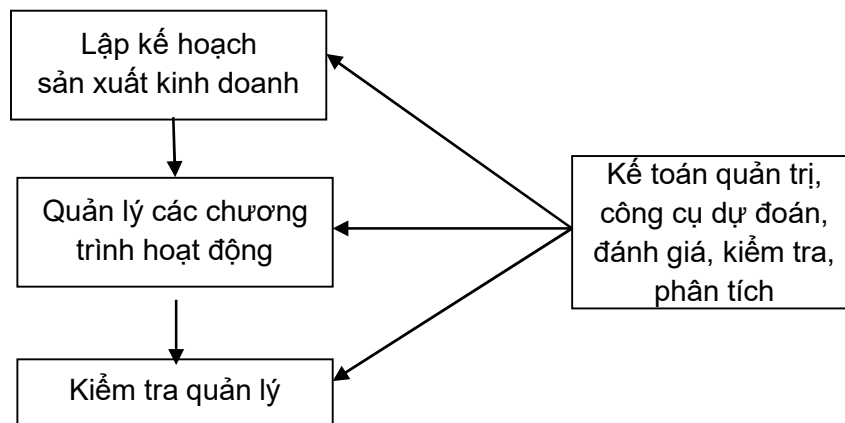
Như vậy, thông tin của kế toán quản trị không chỉ là thông tin về quá khứ, thông tin hiện tại, mà còn bao gồm các thông tin ước tính cho tương lai (kế hoạch, dự toán...). Thông tin kế toán quản trị không chỉ là thông tin theo thước đo giá trị mà còn bao gồm nhiều loại thông tin theo thước đo hiện vật, và thông tin thước đo thời gian lao động.

Hoạt động quản lý có ba chức năng chủ yếu là: hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra kiểm soát. Kế toán quản trị giúp bộ máy quản lý thực hiện cả ba chức năng nói trên một cách hiệu quả.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải lập cả kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Từ kế hoạch chung của doanh nghiệp các bộ phận triển khai thành kế hoạch riêng của bộ phận đơn vị mình. Như trên đã nói, thông tin của kế toán quản trị có ý nghĩa vô cùng quan trọng, làm cơ sở cho nhà quản lý thực hiện chức năng dự toán kế hoạch. Ngoài ra trong quá trình thực hiện các mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra, kế toán quản trị đã cung cấp thông tin cho việc quản lý đến từng công việc cụ thể, như: quản lý, sản xuất tác nghiệp, quản lý tồn kho, quản lý chi phí... Kế toán quản trị còn được coi là công cụ để đánh giá quá trình thực hiện mục tiêu kế hoạch thông qua việc phân tích các chi phí, từ đó có những quyết định hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Kế toán quản trị giúp thực hiện chức năng kiểm tra quản lý một cách rất hiệu quả thông qua việc thu thập và cung cấp các thông tin chi tiết về tình hình thực hiện kế hoạch, phát hiện các khoản chênh lệch so với kế hoạch và các nguyên nhân dẫn đến tình hình đó. Nhà quản lý cần nắm bắt hoạt động nào đem lại lợi ích, hoạt động nào đang duy trì lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp... Với khả năng cung cấp thông tin về chi phí và lợi nhuận thu được từ từng lĩnh vực hoạt động, từng loại sản phẩm, dịch vụ... kế toán quản trị sẽ rất hữu ích trong việc kiểm soát chi phí sản xuất và vòng đời của sản phẩm cũng như hiệu quả của từng hoạt động. Có thể nói, kế toán quản trị đóng vai trò kiểm soát toàn bộ các khâu của hoạt động kinh doanh một cách rất cụ thể, chi tiết và thường xuyên.

Có thể mô tả vai trò của kế toán quản trị qua như sau:

Sơ đồ 1.4. Vai trò của kế toán quản trị



3.2. Phương pháp nghiệp vụ của kế toán quản trị

3.2.1. Vận dụng các phương pháp kế toán trong kế toán quản trị

Là một bộ phận của hệ thống kế toán doanh nghiệp, kế toán quản trị tất nhiên cũng sử dụng các phương pháp của kế toán nói chung là phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin. Ngoài ra, kế toán quản trị còn sử dụng các phương pháp công cụ khác bổ sung cho việc thu thập tính toán các số liệu, thông tin liên quan đến tương lai; trình diễn; diễn giải các thông tin, số liệu và báo cáo.

Việc vận dụng các phương pháp kế toán chung trong kế toán quản trị có đặc điểm khác nhất định so với kế toán tài chính.

a. Phương pháp chứng từ kế toán

Dựa vào hệ thống chứng từ bắt buộc và chứng từ hướng dẫn sử dụng trong kế toán tài chính để thu thập các thông tin thực hiện (quá khứ) chi tiết theo yêu cầu của kế toán quản trị (sử dụng chung nguồn thông tin đầu vào cùng với kế toán tài chính).

Có thể kế toán quản trị còn cần thiết phải thiết lập (tổ chức) hệ thống chứng từ kế toán riêng để thu thập những thông tin sử dụng riêng của kế toán quản trị (ví dụ như: thông tin liên quan chi tiết hơn và có các chỉ tiêu trên chứng từ kế toán tài chính chưa thu thập được, hoặc những thông tin liên quan đến tương lai...). Những chứng từ này rất linh hoạt, không có tính pháp lý (và chỉ sử dụng cho kế toán quản trị).

b. Phương pháp tài khoản kế toán

Dựa vào hệ thống tài khoản của hệ thống tài chính (tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết) để tập số liệu thông tin thực hiện (quá khứ) chi tiết theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trên cơ sở yêu cầu quản trị cụ thể đối với từng đối tượng mà kế toán

quản trị quan tâm, cần tổ chức chi tiết hơn giữa các tài khoản đến các cấp 3, 4, 5, 6...

Kế toán quản trị còn cần phải mở hệ thống sổ kế toán chi tiết, ngoài việc theo dõi các chỉ tiêu chi tiết theo quản lý của kế toán tài chính, còn bổ sung thêm các sổ chi tiết hoặc các chỉ tiêu trên sổ theo nhu cầu thông tin của kế toán quản trị.

Vấn đề tổ chức hệ thống tài khoản và sổ kế toán của kế toán tài chính và kế toán quản trị ở doanh nghiệp còn phụ thuộc vào mô hình tổ chức kế toán ở doanh nghiệp theo mô hình “kết hợp” hay “độc lập”. Nếu theo mô hình “kết hợp” thì kết hợp hệ thống tài khoản tổng hợp và chi tiết trên cùng một hệ thống, ngoài ra mở thêm các tài khoản và sổ chi tiết không kết hợp được, phục vụ riêng cho kế toán quản trị (có thể có cả sổ chi tiết dùng để ghi chép số liệu chi tiết ước tính, thông tin liên quan đến các tình huống sẽ được xem xét và quyết định).

c. Phương pháp tính giá

Đối với kế toán quản trị, việc tính giá các loại tài sản mang tính linh hoạt cao hơn kế toán tài chính (không đòi hỏi tuân theo nguyên tắc chung về tính giá) và gắn với mục đích sử dụng các thông tin về giá theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

Việc phân loại chi phí trong kế toán quản trị có những cách phân loại và nhận diện riêng mà kế toán tài chính không sử dụng đến, như: chi phí cơ hội, chi phí chìm, biến phí, định phí...

Việc tính giá tài sản, các đối tượng... không chỉ tính giá thực tế đã thực hiện, mà còn tính giá chi tiết đối với những tài sản, đối tượng liên quan đến các phương án, tình huống quyết định trong tương lai (gọi là dự toán hay ước tính). Như vậy, phạm vi, nội dung của chi phí trong giá phí của kế toán quản trị không hoàn toàn giống, thậm chí có nhiều khác biệt so với kế toán tài chính.

d. Phương pháp tổng hợp cân đối

Phương pháp tổng hợp cân đối thường được kế toán quản trị sử dụng trong việc lập báo cáo tổng hợp cân đối bộ phận - báo cáo nội bộ (cho từng bộ phận, trung tâm chi phí, loại tài sản...), đó là báo cáo thực hiện (số liệu quá khứ). Đồng thời nó còn được sử dụng để lập các báo cáo, các bảng phân tích số liệu chi phí, doanh thu, kết quả để so sánh các phương án đang xem xét và quyết định trong tương lai (số liệu tương lai).

Ngoài ra, kế toán quản trị còn sử dụng phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để lập các cân đối trong dự toán, trong kế hoạch giữa nhu cầu tài chính với nguồn tài trợ, giữa yêu cầu sản xuất kinh doanh với các nguồn lực huy động...

Báo cáo của kế toán quản trị được lập theo kỳ hạn ngắn hơn các báo cáo tài chính, mặt khác nó còn có tính linh hoạt (không bắt buộc) về mặt nội dung, biểu mẫu...

3.2.2. Các phương pháp kỹ thuật sử dụng trong kế toán quản trị

Chức năng chủ yếu của kế toán quản trị là lựa chọn, thu thập thông tin, tính toán, phân tích, trình bày và cung cấp các thông tin định lượng cho nhà quản trị ra quyết định kịp thời và phù hợp với mục tiêu doanh nghiệp.

Thông tin cần cho kế toán quản trị thường không có sẵn, do đó kế toán quản trị phải sử dụng một số phương pháp kỹ thuật (công cụ cơ sở) để thu thập, xử lý, trình bày và cung cấp chúng thành dạng phù hợp với nhu cầu của các nhà quản trị. Các phương pháp kỹ thuật thường được sử dụng là:

a. Thiết kế thông tin thành bảng số liệu có thể so sánh được

Bảng số liệu là hình thức kết cấu thành bảng biểu để trình bày, sắp xếp các thông tin thành các mục với các số liệu đã được tính toán (kế hoạch - dự toán; thực hiện - quá khứ; ước tính - tương lai) phù hợp, dễ nhận biết theo các tiêu chuẩn để ra quyết định. Thông thường các bảng số liệu đó được thiết kế dưới dạng có thể so sánh được (giữa các phương án đang xem xét) để dễ nhận biết theo tiêu chuẩn lựa chọn quyết định. Chẳng hạn, để cung cấp thông tin cho nhà quản trị ra quyết định tiếp tục kinh doanh hay ngừng kinh doanh một bộ phận/mặt hàng lỗ, kế toán quản trị phải lập được bảng phân tích so sánh thông tin về tổng lợi nhuận của doanh nghiệp giữa hai phương án: tiếp tục hay ngừng kinh doanh bộ phận/mặt hàng đó...

Khi thiết kế các bảng số liệu so sánh cần lưu ý:

- Cần sắp xếp các thông tin thành các khoản mục phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi tình huống quyết định.
- Các khoản mục trong bảng phải có quan hệ chặt chẽ, logic với nhau.
- Các số liệu thực tế, dự toán, định mức hoặc các mục tiêu định trước trong bảng phải so sánh được với nhau.
- Hình thức kết cấu bảng rất đa dạng, linh hoạt, tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin đối với mỗi loại quyết định.

b. Phân loại chi phí

Hầu hết các quyết định của nhà quản trị đều liên quan đến chi phí. Đối với mỗi loại quyết định, chi phí liên quan có đặc điểm và nội dung khác nhau. Để có được những thông tin thích hợp về các chi phí liên quan đến từng quyết định, kế toán quản trị cần vận dụng phương pháp kỹ thuật (cách) phân loại chi phí phù hợp.

Ngoài cách phân loại chi phí theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí và phân loại chi phí theo công dụng của chi phí kế toán tài chính, kế toán còn sử dụng nhiều cách phân loại chi phí khác nhau.

c. Trình bày mối quan hệ giữa các thông tin dưới dạng phương trình đại số

Một công cụ thường dùng trong kế toán quản trị là sử dụng các phương trình đại số để biểu diễn mối quan hệ tương quan, ràng buộc giữa các đại lượng thông tin.

d. Trình bày các thông tin dưới dạng đồ thị

Để trình bày các thông tin dưới dạng định lượng và mối quan hệ giữa các yếu tố đại lượng liên quan, thông thường, kế toán quản trị sử dụng cách trình bày dạng đồ thị toán học. Đồ thị là cách thể hiện dễ thấy và rõ ràng nhất mối quan hệ và xu hướng biến thiên mang tính quy luật của các thông tin kế toán quản trị cung cấp và xử lý.

3.3. Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị

Việc tổ chức bộ máy kế toán quản trị của doanh nghiệp phải phù hợp với đặc điểm hoạt động, quy mô đầu tư và địa bàn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với mức độ phân cấp quản lý kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán phải gọn, khoa học, hợp lý và hiệu quả cao trong việc cung cấp thông tin cho bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp căn cứ vào các điều kiện cụ thể của mình (quy mô; trình độ cán bộ; đặc điểm sản xuất, kinh doanh; quản lý, phương tiện kỹ thuật...) để tổ chức bộ máy kế toán quản trị theo một trong các hình thức sau:

a. Hình thức kết hợp

Tổ chức kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị theo từng phần hành kế toán: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán bán hàng..., kế toán viên theo dõi phần hành kế toán nào thì sẽ thực hiện cả kế toán tài chính và kế toán quản trị phần hành đó. Ngoài ra, doanh nghiệp phải bố trí người thực hiện các nội dung kế toán quản trị chung khác như thu thập, phân tích các thông tin phục vụ việc lập dự toán và phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp. Các nội dung công việc này có thể bố trí cho kế toán tổng hợp hoặc cho kế toán trưởng đảm nhiệm.

b. Hình thức tách biệt

Tổ chức thành một bộ phận kế toán quản trị riêng biệt với bộ phận kế toán tài chính trong phòng kế toán của doanh nghiệp. Hình thức này chỉ thích hợp với doanh nghiệp có quy mô lớn, như: tổng công ty, tập đoàn kinh tế,...

BÀI THỰC HÀNH

Câu 1: Hãy trình bày và phân tích những điểm khác nhau giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị?

Câu 2: Tại sao nói rằng kế toán quản trị không nhất thiết tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung đã chấp nhận?

Câu 3: Phân tích vai trò của kế toán quản trị trong quá trình của hoạt động quản lý?

Câu 4: Tại sao nói rằng kế toán quản trị là một phần quan trọng trong hệ thống thông tin quản trị của doanh nghiệp?

Câu 5: Tại sao chi phí thường là trọng tâm của kế toán quản trị?

TaiLieu.vn